

# Deu

## Chapter 20

Vietnamese Interlinear

Reference: Vietnamese Bible (1934)

כִּי־תֵצֵא לְמִלְחָמָה עָלַי רַב־עַם וְרָכַב סוֹס וְרָאִיתָ אִיכָרִי אֶל־לְמִלְחָמָה תֵצֵא כִי־ 1  
nhiều dân và-đường ngựa và-thấy kẻ-thù-người trên cho-chiến-trận ra vì  
[H7393](#) [H7200](#) [H0341](#) [H4421](#) [H3318](#)

עִמָּךְ אֱלֹהֵיךָ יְהוָה כִּי־מִהֶם תִּירָא לֹא מִמֶּנִּי מִמֶּנִּי 2  
với-người Đức-Chúa-Trời-người Đức-Giê-hô-va vì từ-họ kính-sợ không từ-người  
[H0430](#) [H3068](#) [H1992](#) [H3372](#) [H3808](#)

מִצָּרִים: מֵאָרֶץ הָאֲדָמָה  
Ai-cập từ-đất đi-lên-người  
[H4714](#) [H0776](#) [H5927](#)

Khi nào người ra giao chiến cùng thù nghịch mình, nếu thấy ngựa, xe và binh đông hơn mình, thì chớ sợ; vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, là Đấng đã khiến người lên khỏi xứ Ê-díp-tô, ở cùng người.

הָעָם: אֶל־וְדָבַר הַכֹּהֵן וְנָגַשׁ הַמִּלְחָמָה אֶל־כְּקַרְבָּנִים וְהָיָה 2  
dân đến và-phán thầy-tế-lễ và-đến-gần chiến-trận đến như-dâng-các-người và-là  
[H0413](#) [H1696](#) [H3548](#) [H5066](#) [H4421](#) [H0413](#) [H7126](#) [H1961](#)

Lúc gần khai chiến, thầy tế lễ sẽ bước tới, nói cùng dân sự

וְאָמַר אֲלֵהֶם שְׁמַע יִשְׂרָאֵל הַיּוֹם קָרְבִים אֲתֶם יִשְׂרָאֵל שְׁמַע אֲלֵהֶם וְאָמַר 3  
trên cho-chiến-trận ngày các-người Y-sơ-ra-ên nghe với-họ và-nói  
[H4421](#) [H3117](#) [H7131](#) [H3478](#) [H8085](#) [H0413](#) [H0559](#)

וְאֵל־וְהָפְזוּ וְאֵל־וְהָפְזוּ תִירָאוּ אֶל־לִבְבְּכֶם יִרְדוּ אֶל־אִיְבֹכֶם 4  
và-đường và-đường kính-sợ đừng lòng-các-người đừng kẻ-thù-các-người  
[H0408](#) [H2648](#) [H0408](#) [H3372](#) [H0408](#) [H3824](#) [H7401](#) [H0408](#) [H0341](#)

תִּעְרָצוּ מִפְּנֵיהֶם: תִּעְרָצוּ  
mặt  
[H6440](#) [H6206](#)

mà rằng: Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy nghe! Ngày nay các người đi giao chiến cùng thù nghịch mình, lòng các người chớ nhát, chớ sợ, chớ run rẩy, và chớ kinh khiếp vì chúng nó;

לְכֶם לְהִלָּחֵם עִמָּכֶם הַהַלֵךְ אֱלֹהֵיכֶם יְהוָה כִּי־ 4  
cho-nó cho-chiến-đấu với-các-người đi Đức-Chúa-Trời-các-người Đức-Giê-hô-va vì  
[H1980](#) [H0430](#) [H3068](#)

עִמָּכֶם: לְהוֹשִׁיעַ אִיְבֹכֶם לְהוֹשִׁיעַ  
các-người kẻ-thù-các-người với  
[H0853](#) [H3467](#) [H0341](#)

bởi Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người là Đấng cùng đi với các người, đặng vì các người đánh kẻ thù nghịch và giải cứu cho.

5 וְדַבְּרוּ וְהַשְׁטָרִים אֶל-הָעָם לֵאמֹר מִי-הָאִישׁ אֲשֶׁר בָּנָה בַּיִת-חָדָשׁ  
 và-phán và-chức quan-chức đến dân cho-nói ai người mà xây nhà mới  
[H1696](#) [H7860](#) [H0413](#) [H0559](#) [H4310](#) [H0376](#) [H1129](#) [H2319](#)

וְלֹא תִבְנוּ וְלֹא תֵלְכוּ וְיָשַׁב וְיָשָׁב לְבֵיתוֹ פֶּן-יָמוּת בְּמִלְחָמָה וְאִישׁ אַחֵר  
 và-không và-trở-lại đi và-trở-lại và-trở-lại cho-nhà-nó chết kéo cho-nhà-nó trong-chiến-trận khác và-người khác  
[H3808](#) [H2596](#) [H3212](#) [H7725](#) [H6435](#) [H4191](#) [H4421](#) [H0376](#) [H0312](#)

יְהִינֵנוּ:  
 יְהִינֵנוּ:  
[H2596](#)

Bấy giờ, các quan trưởng sẽ nói cùng dân sự mà rằng: Ai đã cất một nhà mới, mà chưa khánh thành? Hãy đi trở về nhà mình, e chết nơi chiến trận, rồi một người khác sẽ khánh thành chăng.

6 וּמִי-וְהָאִישׁ אֲשֶׁר-נָטַע כָּרֶם וְלֹא חָלְלוּ יָלַךְ וְיָשַׁב  
 và-ai và-người người mà trồng và-không và-không xúc-phạm-nó đi và-trở-lại và-trở-lại  
[H4310](#) [H0376](#) [H5193](#) [H3754](#) [H3808](#) [H3212](#) [H7725](#)

לְבֵיתוֹ פֶּן-יָמוּת בְּמִלְחָמָה וְאִישׁ אַחֵר יְחַלְּלוּ:  
 cho-nhà-nó chết kéo cho-nhà-nó trong-chiến-trận khác và-người xúc-phạm-nó khác  
[H6435](#) [H4191](#) [H4421](#) [H0376](#) [H0312](#)

Ai đã trồng một vườn nho và chưa hái trái? Hãy đi trở về nhà mình, kéo chết nơi chiến trận, rồi một người khác sẽ hái trái chăng.

7 וּמִי-וְהָאִישׁ אֲשֶׁר-אָרַשׁ אִשָּׁה וְלֹא לָקַחָהּ יָלַךְ וְיָשַׁב לְבֵיתוֹ  
 và-ai và-người người mà cưới và-không lấy-nó đi và-trở-lại cho-nhà-nó  
[H4310](#) [H0376](#) [H0781](#) [H0802](#) [H3808](#) [H3947](#) [H3212](#) [H7725](#)

פֶּן-יָמוּת בְּמִלְחָמָה וְאִישׁ אַחֵר יִקְחָנָהּ:  
 chết kéo cho-nhà-nó trong-chiến-trận khác và-người lấy khác  
[H6435](#) [H4191](#) [H4421](#) [H0376](#) [H0312](#) [H3947](#)

Ai đã làm lễ hỏi một người nữ, mà chưa cưới? Hãy đi trở về nhà mình, e chết nơi chiến trận, rồi người khác sẽ cưới nàng chăng.

8 וְיִסְפוּ וְהַשְׁטָרִים לְדַבֵּר אֶל-הָעָם וְאָמְרוּ מִי-הָאִישׁ הַיָּרֵא וְנָדָה הַלֵּבָב  
 và-thêm và-chức quan-chức cho-phán đến dân và-nói ai người người và-người như-lòng-nó  
[H3254](#) [H7860](#) [H1696](#) [H0413](#) [H0559](#) [H4310](#) [H0376](#) [H3373](#) [H7390](#) [H3824](#)

יָלַךְ וְיָשַׁב לְבֵיתוֹ וְלֹא יָמַס וְיָמַס אֶת-לֵבָב אָחִיו כְּלָבָבוֹ:  
 đi và-trở-lại cho-nhà-nó và-không và-không cho-nhà-nó chết kéo như-lòng-nó anh-em-nó lòng  
[H3212](#) [H7725](#) [H3808](#) [H4549](#) [H0853](#) [H3824](#) [H0251](#) [H3824](#)

Các quan trưởng sẽ cứ nói tiếp cùng dân sự mà rằng: Ai là người sợ và nhất? Hãy đi trở về nhà mình, e lòng của anh em mình tán đởm như lòng mình chăng.

9 וְהָיָה וְהָיָה כְּכֹלֵת הַשְׁטָרִים לְדַבֵּר אֶל-הָעָם וַפְקְדוּ שָׂרֵי צְבָאוֹת  
 và-là và-tất như-hoàn-tất quan-chức cho-phán đến dân và-người và-đếm dân và-người  
[H1961](#) [H3615](#) [H7860](#) [H1696](#) [H0413](#) [H8269](#)

בְּרֵאשִׁית הָעָם:  
 — dân trong-đầu

Vừa khi các quan trưởng nói xong với dân sự, thì phải lập những tướng làm đầu dân sự.

10 כִּי-תִקְרַב אֶל-עִיר לְהִלָּחֵם עָלֶיהָ וְקָרָאתָ אֵלֶיהָ לְשָׁלוֹם:  
 vì dâng thành đến cho-chiến-đấu trên-nó với-nàng và-gọi và-bình-an  
[H7121](#) [H0413](#) [H7121](#) [H7965](#)

Khi người đến gần một cái thành đang hãm, trước phải giáng hòa cùng nó.

וְהָיָה אִם-שָׁלוֹם תִּעֲנֶנּוּ וּפְתַחְתָּהּ לָךְ וְהָיָה כֹּל-הָעָם הַנִּמְצָא-כָּהּ 11  
 — tìm-thấy dân mọi và-là cho-nó và-mở đáp-người sự-bình-an nếu và-là  
[H4672](#) [H3605](#) [H1961](#) [H7965](#) [H1961](#)

וְהָיָה לְךָ לְמַסּוֹ וְעֲבַדְוּךָ :  
 là cho-nó và-phục-vụ-người  
[H1961](#) [H4522](#) [H5647](#)

Nếu thành đó đáp hòa và mở cửa cho người, thì toàn dân sự ở đó sẽ nạp thuế và phục dịch người.

וְאִם-לֹא תִשְׁלִים עִמָּךְ וְעָשִׂיתָ עִמָּךְ מִלְחָמָה וְצָרְתָּ עָלֶיךָ : 12  
 và-nếu không với-người và-làm với-người chiến-trận trên-nó  
[H3808](#) [H4421](#)

Ví bằng thành không khứng hòa, nhưng khai chiến cùng người, bấy giờ người sẽ vây nó.

וּנְתַנָּה וְהָיָה אֱלֹהֶיךָ בְיָדְךָ אֶת-כָּל-זְכוּרָה 13  
 và-đặt-nó Đức-Giê-hô-va Đức-Chúa-Trời-người trong-tay-người và-đánh mọi  
[H5414](#) [H3068](#) [H0430](#) [H3027](#) [H5221](#) [H0853](#) [H3605](#) [H2138](#)

לְפִי-חָרֵב :  
 cho-miêng gươm  
[H6310](#) [H2719](#)

Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ phó nó vào tay người, rồi người giết hết thầy người nam bằng lưỡi gươm.

רַק הַנָּשִׁים וְהַטַּף וְהַבְּהֵמָה וְכָל-אֲשֶׁר יְהִיָּה בְּעִיר כָּל-רַק 14  
 chỉ người-đàn-bà và-trẻ-con và-súc-vật và-mọi mà là trong-thành mọi  
[H7535](#) [H0802](#) [H2945](#) [H0929](#) [H3605](#) [H1961](#) [H3605](#)

וְשָׁלַחְתָּ חֵטְאֵי מִלְחָמָה וְאָכַלְתָּ אֶת-שָׁלַל מִלְחָמָה אֲשֶׁר יָצָא מִן-הָעִיר 15  
 chiến-lợi-phẩm cho-nó và-ăn chiến-lợi-phẩm-nó  
[H7998](#) [H0962](#) [H0398](#) [H0853](#) [H7998](#) [H0341](#) [H5414](#)

וְהָיָה אֱלֹהֶיךָ לָךְ :  
 Đức-Giê-hô-va Đức-Chúa-Trời-người cho-nó  
[H3068](#) [H0430](#)

Song người phải thu cho mình những đàn bà, con trẻ, súc vật, và mọi vật chi ở trong thành, tức là mọi của cướp được. Người sẽ ăn lấy của cướp của quân nghịch mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, ban cho người.

כִּן תַּעֲשֶׂה לְכָל-הָעָרִים הָרְחֹקֹת מִמֶּנּוּ מְאֹד אֲשֶׁר לֹא-מֵעָרֵי הַנְּגֻזִים 15  
 vi-vậy làm mọi thành xa từ-người rất từ-thành không mà rất từ-thành các-nước  
[H3605](#) [H7350](#) [H3966](#) [H3808](#)

הָאֵלֶּה הֵנּוּ :  
 họ này  
[H2007](#) [H0428](#)

Người phải đối đãi như vậy cùng các thành ở cách xa người, không thuộc về những dân tộc này.

רַק מֵעָרֵי הָעָמִים הָאֵלֶּה אֲשֶׁר יְהִיָּה אֱלֹהֶיךָ נָתַן לָךְ 16  
 chỉ từ-thành dân này mà Đức-Giê-hô-va Đức-Chúa-Trời-người đặt cho-nó  
[H7535](#) [H0428](#) [H3068](#) [H0430](#) [H5414](#)

נִחְלָה לֹא תַחֲיֶה כָּל-נִשְׁמָה :  
 sản-nghiệp không sống mọi  
[H5159](#) [H3808](#) [H2421](#) [H3605](#) [H5397](#)

Nhưng trong các thành của những dân tộc này, mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người làm sản nghiệp, thì chớ để sống một vật nào biết thờ;

